

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/01/2023

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 298/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 377/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 253/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Y**, sinh ngày 18/02/1993.

ĐKKHKT: Khu H, thị trấn S, huyện S, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Đội 5, thôn L, xã S1, huyện H1, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Trịnh Tiến T**, sinh ngày 02/8/1988.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu H, thị trấn S, huyện S, tỉnh Hải Dương.
Hiện đang cư trú tại: Nhật Bản.

(Chị Y vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt, có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày: Chị và anh Trịnh Tiến T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/3/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau

tại gia đình nhà chồng, ngay từ thời gian đầu chung sống vợ chồng đã mâu thuẫn về kinh tế, cuối năm 2016 anh T đi lao động tại Nhật Bản, thời gian đó chị đang mang thai không làm ăn được nên đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ khi sang Nhật Bản anh rất ít liên lạc về cho chị, cũng như không gửi tiền về cho chị chăm sóc con cái và trang trải cuộc sống, anh không quan tâm đến mẹ con chị, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau mỗi khi anh T liên lạc về nhà. Nay, chị xác định vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Tiến T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Hùng K, sinh ngày 18/02/2017, hiện con đang ở với chị. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại chị đang làm công nhân tại Công ty may Tinh Lợi, thu nhập bình quân 8.000.000đ - 10.000.000/tháng, chị đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị Y không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T. Bà Hà Thị T1 (là mẹ đẻ anh T) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh T biết. Thông qua gia đình anh T trình bày anh muốn ở lại Nhật Bản làm ăn thêm một thời gian nhưng chị Y không nhất trí nên vợ chồng bắt đầu quan điểm, trên thực tế vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi thời gian đã lâu, bản thân chị Y không muốn sống tại gia đình nhà chồng nên đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị Y có đơn xin ly hôn, anh không mong muốn nhưng chị Y cương quyết xin ly hôn nên anh nhất trí. Anh T xác định vợ chồng có 01 con chung như chị Y trình bày là đúng, anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tuy nhiên, chị Y cũng có nguyện vọng được nuôi con nên anh nhất trí. Vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị Y, anh T đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì anh T đi lao động ở nước ngoài, chị Y không sống tại gia đình nhà chồng mà về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng mỗi người ở một nơi. Nay chị Y có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị Y ly hôn anh Trịnh Tiến T. Về con chung: Giao con chung Trịnh Hùng K, sinh ngày 18/02/2017 cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Y phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Trịnh Tiến T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại khu H, thị trấn S, huyện S, tỉnh Hải Dương, hiện anh T đang lao động tại Nhật Bản. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Y không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T ở Nhật Bản. Tòa án đã đề nghị gia đình anh T cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh T và gia đình đã thông báo cho anh T biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Y và anh T, đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai chị Y vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh T có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y và anh Trịnh Tiến T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/3/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là mâu thuẫn về kinh tế. Năm 2016 anh T đi lao động tại Nhật Bản, chị cũng chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không quan tâm đến nhau và thường xuyên xảy ra cãi nhau mỗi khi anh T liên lạc về nhà. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Tiến T. Thông qua gia đình anh T trình bày anh và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần, nhưng chị Y không nghe, vẫn cương quyết xin ly hôn nên anh nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh T đã trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Y ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Y và anh Trịnh Tiến T có 01 con chung là Trịnh Hùng K, sinh ngày 18/02/2017, hiện con đang ở với chị Y. Chị Y và anh T cùng thống nhất: chị Y tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của anh chị phù hợp với thực tế và phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y, anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Y ly hôn anh Trịnh Tiến T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trịnh Hùng K, sinh ngày 18/02/2017 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y tạm thời không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2021/0001720 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Y đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Trịnh Tiến T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường
(Đã ký)